

# Xung quanh việc đặt vấn đề “văn bản nhật dụng” và phần tri thức đọc - hiểu văn bản nhật dụng trong *Ngữ văn 12*

Lê Thời Tân, Nguyễn Đức Can\*

*Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội,  
144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

---

## Tóm tắt

“Văn bản nhật dụng” [Practical Texts] là một vấn đề mới trong Chương trình Ngữ văn trung học cơ sở (THCS) và trung học phổ thông (THPT). Bài viết này tập trung trao đổi với các tác giả sách giáo khoa về cách đặt vấn đề “văn bản nhật dụng” và cách diễn giải của nhà làm sách về vấn đề gọi là “văn bản nhật dụng”.

Nhận ngày 26 tháng 9 năm 2015, Chính sửa ngày 07 tháng 11 năm 2015, Chấp nhận đăng ngày 25 tháng 3 năm 2016

*Từ khóa:* Văn bản nhật dụng, chương trình trung học, sách giáo khoa.

---

## 1. Dẫn nhập

“Văn bản nhật dụng” (VBND) là một vấn đề mới trong Chương trình Ngữ văn THCS và THPT. Việc đưa vào Chương trình loại VBND cũng là nhằm cải tiến chất lượng giảng dạy bộ môn này. *Ngữ văn 12 nâng cao* (tập một) soạn phần TRI THỨC ĐỌC - HIỂU **Văn bản nhật dụng** với dụng ý khái quát hóa lí thuyết về “văn bản nhật dụng”. Như ta thấy, TRI THỨC ĐỌC - HIỂU là phần đặt kèm sau một bài đọc-hiểu văn bản nhật định nào đó. Nội dung của phần này thường tập trung vào việc giới thuyết đặc trưng “thể loại” cụ thể của văn bản được dẫn vào làm bài học của sách giáo khoa (SGK). Đặt trong chuỗi trình bày như thế, người dạy-người học đến phần TRI THỨC ĐỌC - HIỂU **Văn bản nhật dụng**<sup>1</sup> lẽ tự nhiên cũng cho rằng SGK

đang chuẩn bị một giới thuyết về đặc trưng của loại văn bản gọi là “văn bản nhật dụng”. Thế nhưng, khác hẳn với lệ thường cung cấp tri thức đọc hiểu (văn nghị luận - tuyên ngôn, thơ lục bát, thơ tự do, tùy bút) trước đó, TRI THỨC ĐỌC - HIỂU **Văn bản nhật dụng** trình bày một diễn giải gây khó khăn cho nhận thức của người dạy - người học chả kém gì sự diễn giải trong bài TÓNG KẾT PHẦN VĂN BẢN NHẬT DỤNG của *Ngữ văn 9*. Nguyên do chủ yếu bắt nguồn từ chính bản thân cách đặt vấn đề “văn bản nhật dụng” của nhà biên soạn (NBS). Bài viết này tập trung trao đổi với NBS xoay quanh bản thân cách nêu và thuyết minh vấn đề “văn bản nhật dụng”.

## 2. Giới thuyết và diễn giải khái niệm “văn bản nhật dụng” của sách giáo khoa

*Ngữ văn 12*, tập một - sách nâng cao mở đầu cho phần TRI THỨC ĐỌC - HIỂU **Văn bản nhật dụng** như sau:

---

tập sách giáo khoa, nó dường như được thiết kế như là một phần đi bổ sung sau đơn vị bài học đọc - hiểu nhất định.

---

\* Tác giả liên hệ. ĐT.: 84-912179225

Email: cannd@vnu.edu.vn

<sup>1</sup> Đặt kèm sau bài học đọc hiểu bản rút gọn nhan đề TƯ DUY HỆ THỐNG - NGUỒN SỨC SỐNG MỚI CỦA ĐÔI MỐI TƯ DUY tiểu luận *Một góc nhìn của trí thức* - Phan Đình Diệu. Là một phần của đơn vị bài học, TRI THỨC ĐỌC - HIỂU không được thể hiện ở MỤC LỤC

Văn bản nhật dụng không phải là một khái niệm chỉ thể loại văn học hoặc kiểu văn bản. Nói đến loại văn bản này, người ta thường xuất phát từ góc độ chức năng, đề tài và tính cập nhật của nội dung được đề cập. Cho nên, nói văn bản nhật dụng là nói tính chất của nội dung văn bản. Đó là những vấn đề gần gũi và bức xúc của đời sống hiện tại như *chống chiến tranh, gìn giữ hòa bình, bảo vệ môi trường, phòng chống tệ nạn xã hội* (ma túy, mại dâm, ngược đãi đối với trẻ em và phụ nữ, đại dịch HIV/AIDS, tham nhũng,...), *thực hiện bình đẳng giới, hạn chế gia tăng dân số, đổi mới tư duy*,... Xét về mặt hình thức, văn bản nhật dụng có thể được thể hiện bằng hầu hết các thể loại văn học cũng như các kiểu văn bản. Tuy nhiên, do tính thời sự cao nên các tác phẩm thông tấn - báo chí thường phù hợp hơn.

Như ta thấy, SGK đã “giới thiệu” về văn bản nhật dụng theo lối dùng mệnh đề “phủ định” - “Văn bản nhật dụng không phải là một khái niệm chỉ thể loại văn học hoặc kiểu văn bản.”. *Ngữ văn 9* ở bài TỔNG KẾT PHẦN VĂN BẢN NHẬT DỤNG sử dụng cách viết tương tự: “Khái niệm văn bản nhật dụng không phải là khái niệm thể loại, cũng không chỉ kiểu văn bản”<sup>2</sup>. Câu hỏi nảy sinh một cách tự nhiên là - nếu “văn bản nhật dụng không phải là một

<sup>2</sup> Như ta thấy, khác biệt rõ nhất giữa hai hai cách viết dẫn trên là ở chỗ: *Ngữ văn 9* gọi rõ ra là “khái niệm văn bản nhật dụng” trong lúc *Ngữ văn 12* tránh dùng thẳng từ “khái niệm” với cụm từ “văn bản nhật dụng”. Nói một cách chặt chẽ, chúng ta không rõ trong cả hai cách viết trên “kiểu văn bản” có được dùng như là một khái niệm hay không? Nếu được dùng với nghĩa là *khái niệm* thì ở đây ta đã có thể nói mở đầu của hai bài này đều đã đề cập tới ba khái niệm: “văn bản nhật dụng”, “kiểu văn bản”, “thể loại văn học”. Thực ra TRI THỨC ĐỌC HIỂU Văn bản nhật dụng - *Ngữ văn 12* viết rõ “thể loại văn học” nhưng TỔNG KẾT PHẦN VĂN BẢN NHẬT DỤNG - *Ngữ văn 9* chỉ viết “thể loại”. Có thể cho rằng “thể loại” ở đây là nói gọn của “thể loại (tác phẩm) văn học”. Đặt trong khung cảnh thuật ngữ chung của cả bộ sách (*Ngữ văn*), ta có thể khẳng định đó là “thể loại văn học” - kiến thức lí luận văn học hỗ trợ cho dạy học đọc hiểu tác phẩm văn học hoặc dạy học Làm văn bài nghị luận văn học (*Ngữ văn 11* có bài “Một số thể loại văn học: Thơ, Truyện”) và “kiểu văn bản” thuộc phân môn Làm văn. Phân tích này có thể xem là quá chi li nhưng nó là việc cần phải làm do chỗ SGK viết thiếu tường minh.

khái niệm chỉ *thể loại văn học* hoặc *kiểu văn bản*” thì nó chỉ cái gì? Đáng tiếc là ở cả hai cuốn sách, NBS dường như cố tránh cách trả lời trực diện và trước sau chỉ dùng cách nói vòng quanh. Quả thực, đọc kĩ những chỗ có đề cập đến VBND trong *Ngữ văn 12* nâng cao (tập 1) này ta có cảm giác NBS dường như cố tránh việc dùng cụm từ VBND như là một khái niệm hoặc cũng có thể nói NBS tránh khái niệm hóa VBND. Có lẽ cũng chính vì thế mà trong quyển này, đến bài ÔN TẬP VỀ VĂN HỌC cuối tập sách (mục **3. Văn bản nhật dụng**, tr.242) dù sử dụng câu hỏi dạng nêu định nghĩa nhưng NBS vẫn cố không dùng từ “khái niệm”. Trình bày phần ôn tập văn học liên quan đến VBND ở tập sách này như sau:

### 3. Văn bản nhật dụng

Anh (chị) hiểu thế nào là văn bản nhật dụng? Hãy phân tích ý nghĩa cấp thiết đối với đời sống của các bài: *Nhìn về vốn văn hóa dân tộc* (Trích *Đến hiện đại từ truyền thống* - Trần Đình Hượu), *Con đường trở thành “kẻ sĩ hiện đại”* (Trích *Bàn về đạo Nho* - Nguyễn Khắc Viện), *Thông điệp nhân Ngày Thế giới phòng chống AIDS, 1 - 2 - 2003* (Cô-phi An-nan), *Tư duy hệ thống - nguồn sức sống mới của đổi mới tư duy* (Trích *Một góc nhìn của trí thức* - Phan Đình Diệu)<sup>3</sup>.

Thực ra *kiểu văn bản* hay *thể loại* rất cuộc đều là một sự khái quát hóa từ tập hợp nhất định các văn bản với hình thức cụ thể nhất định. Vậy vì lí gì mà văn bản nhật dụng lại không phải là một sự khái quát hóa trên cơ sở tập hợp nhất định các văn bản theo tiêu chí giúp ta khu biệt, nhận diện chúng giữa thực tiễn tạo lập và

<sup>3</sup> Nhân tiện xin đối chiếu với cũng bài *Ngữ văn 12* không nâng cao. Sách không nâng cao gọi bài này là ÔN TẬP PHẦN VĂN HỌC. Ở mục liên quan VBND, NBS viết: “3. Các tác phẩm được chọn học chính thức hay đọc thêm thuộc nhiều thể loại khác nhau như: thơ, văn chính luận, hồi kí, tùy bút, văn nhật dụng” (tr. 214). Ta thấy sách không nâng cao đã gọi thành “văn nhật dụng” (không “bản”) và coi nó là “thể loại” bên cạnh các thể loại văn học khác như thơ, văn chính luận, hồi kí, tùy bút.

tiếp nhận văn bản nói chung? Câu hỏi đặt ra ở đây là tại sao lại có thể nêu được vấn đề *văn bản nhật dụng* chỉ như một khái niệm được giới thuyết là chỉ “xuất phát từ góc độ chức năng, đề tài và tính cập nhật của nội dung được đề cập”? Làm sao ta có thể nói tới *nội dung, đề tài, chức năng, cập nhật* của văn bản ở bên ngoài hình thức văn bản cụ thể được? Văn bản nào chẳng có hình thức cụ thể nhất định, và hình thức cụ thể nhất định đó sẽ quy được về dạng/loại/thể văn bản khái quát nhất định?

Hãy tạm chấp nhận cách nói phiếm chỉ “Nói đến loại văn bản này, người ta thường xuất phát từ góc độ chức năng, đề tài và tính cập nhật của nội dung được đề cập” nhưng tiếp ngay đó căn cứ vào việc “người ta thường xuất phát từ góc độ chức năng, đề tài và tính cập nhật của nội dung được đề cập” (khi “nói đến loại văn bản này”) để lập tức suy luận rằng “Cho nên, nói văn bản nhật dụng là nói tính chất của nội dung văn bản.” kể cũng quá giản tiện và vội vã. Người đọc đoạn diễn giải trên lấy làm khó hiểu tại sao mà “Nói đến loại văn bản này, người ta thường xuất phát từ góc độ chức năng, đề tài và tính cập nhật của nội dung được đề cập” thì lại có thể “Cho nên, nói văn bản nhật dụng là nói tính chất của nội dung văn bản.”? Cách dùng từ “cho nên” ở đây không thực sự xác đáng trong liên kết logic chuyển ý lập luận. Làm sao mà chỉ vì “người ta thường xuất phát từ góc độ chức năng, đề tài và tính cập nhật của nội dung được đề cập” khi “nói đến loại văn bản này” mà lại nhân đó để có thể “Cho nên, nói văn bản nhật dụng là nói tính chất của nội dung văn bản.”? Và thực ra “chức năng, đề tài và tính cập nhật của nội dung được đề cập” nghĩa là gì? Làm sao mà một “nội dung được đề cập” (hoặc gọi thẳng như bài TỔNG KẾT ở Ngữ văn 9 là “nội dung văn bản”) lại có thể có cái gọi là “chức năng” và “đề tài”? Có thể nói “tính cập nhật của nội dung” nhưng như thế nào để có thể gọi được là “chức năng” của “nội dung”? Cũng như, như thế nào gọi là “đề tài” của “nội dung”?

Tiếp theo, người dạy và học cũng rất khó để thấy ra được hiểu liên hệ thừa tiếp về mặt logic giữa câu trước “Cho nên, nói văn bản nhật dụng

là nói tính chất của nội dung văn bản” và câu sau “Đó là những vấn đề gần gũi và bức xúc của đời sống hiện tại như [...]” là ở đâu? Làm sao mà trước đó chỉ nói những ý “chức năng, đề tài và tính cập nhật của nội dung...”, “tính chất của nội dung văn bản” mà bây giờ đã có thể viết tiếp nói “Đó là những vấn đề gần gũi và bức xúc của đời sống hiện tại”? Đọc kĩ ta không thể không băn khoăn về quan hệ thừa tiếp giữa hai câu này. Làm sao mà “tính chất của nội dung văn bản” lại có thể chính là “những vấn đề gần gũi và bức xúc của đời sống hiện tại”. Nói chung, trong đoạn diễn giải trên, ý biểu đạt trong nội bộ các câu chưa thật rành mạch mà liên kết logic siêu cú pháp (*Cho nên*...; *Đó là*...) cũng không rõ ràng.

#### 4. Cách khái quát nội dung “văn bản nhật dụng” của sách giáo khoa

Xin đọc lại đoạn dẫn từ TRÍ THỨC ĐỌC HỮU *Văn bản nhật dụng* trong *Ngữ văn 12*:

“Nói đến loại văn bản này, người ta thường xuất phát từ góc độ chức năng, đề tài và tính cập nhật của nội dung được đề cập. Cho nên, nói *văn bản nhật dụng* là nói tính chất của nội dung văn bản. Đó là những vấn đề gần gũi và bức xúc của đời sống hiện tại như *chống chiến tranh, gìn giữ hòa bình, bảo vệ môi trường, phòng chống tệ nạn xã hội* (ma túy, mại dâm, ngược đãi đối với trẻ em và phụ nữ, đại dịch HIV/AIDS, tham nhũng,...), *thực hiện bình đẳng giới, hạn chế gia tăng dân số, đổi mới tư duy*,...”

Chúng tôi không phủ định ý kiến cho rằng việc đề cập những vấn đề trên sẽ làm nên tính chất nội dung cho chẳng hạn loại văn bản mà SGK muốn giới thiệu ở đây - văn bản nhật dụng. Thế nhưng ta cũng thấy là thực tế thì cả thế giới loài người đã vất vả từ thời đại này qua thời đại khác với hầu hết các vấn đề được các bài về VBND trong SGK nêu lên như là một sự diễn giải về nội dung loại văn bản này (từ *chống chiến tranh, gìn giữ hòa bình, mại dâm, ngược đãi đối với trẻ em và phụ nữ, thực hiện bình đẳng giới* cho đến *quan hệ giữa thiên*

*nhiên và con người, giáo dục, vai trò của người phụ nữ, quyền sống của con người,...*). Ngay cả khi những vấn đề đó trở nên “gần gũi và bức xúc” đi nữa thì cũng chẳng phải mỗi mình VBND độc quyền “đề cập” chúng. Thực ra, khái quát hóa về đề tài thì khó mà “loại biệt” được nét riêng nội dung của loại văn bản. Ví dụ nói “bài viết về *di tích lịch sử, về danh lam thắng cảnh*” thì rất chung chung, muốn là vấn đề cấp thiết-thời sự thì phải là chuyện bảo tồn di tích đang lâm nguy; Tương tự, *giáo dục, vai trò người phụ nữ, chiến tranh, chăm sóc sức khỏe trẻ em* là chuyện muôn đời, nhưng *tài mù chữ hay vấn nạn buôn bán phụ nữ có tổ chức, đầu đạn hạt nhân, tiêm vắc xin quá hạn* thì mới là chuyện cấp nhật.

Tất nhiên, từ những góc độ nhất định ta cũng có thể tạm đồng ý những vấn đề vừa liệt kê là “những vấn đề gần gũi và bức xúc của đời sống hiện tại”. Nhưng điều quan trọng hơn là nói như thế đồng thời cũng sẽ khiến cho những người nhìn nhận vấn đề một cách sâu rộng hơn sẽ thấy rằng – như vậy là mỗi một thế hệ/thời đại đều có một “hiện tại” đời sống của nó và thế thì cũng có nghĩa là có thể nói mỗi một thế hệ/thời đại cũng có những “văn bản nhật dụng” của nó - những “văn bản nhật dụng” nêu những “vấn đề gần gũi và bức xúc” của đời sống thời của nó. Nói chung, ta có thể đồng ý với việc nhấn mạnh tới *tính cấp nhật* của VBND nhưng cũng phải thấy rằng VBND (cụ thể) luôn “từng là cấp nhật”.<sup>4</sup> Giá trị cấp nhật mà nó đạt được đó sẽ khiến người đọc thẩm thấu về tính chất “từng là thời sự” của vấn đề được đề cập. Hoặc nói đó là những văn bản vốn dĩ phải “gắn chặt

với thực tiễn”. Việc học chúng để có ý thức mạnh mẽ về “tính cấp nhật-thời sự” của chúng trong tính cách là một loại văn bản “đặc biệt” như thế không phụ thuộc vào khoảng cách thời gian giữa thời điểm học chúng và thời điểm chúng xuất hiện (liên quan tới chuyện CT và SGK ít nhiều phải đảm bảo tính ổn định). Vấn đề chỉ là khi đưa chúng vào học trong SGK thì phải đặc biệt thuyết minh miêu tả lại bối cảnh văn bản xuất hiện cùng hiệu ứng xã hội của văn bản đó. Nói chung, để có thể thấy chúng đã “nhật dụng” to lớn như thế nào thì ít nhiều phải chú dẫn rõ về hoàn cảnh thời sự với những nóng bỏng cấp thiết của các vấn đề cuộc sống-xã hội lúc đó. Như chỗ chúng tôi thấy thì ở hầu hết các bài đọc hiểu các văn bản được gọi là VBND trong SGK *Ngữ văn 12* đều không chú ý thích đáng tới điều đó. Có thể nói, ý định gắn bộ môn Ngữ văn với cuộc sống là một điều tốt. Nhưng gắn với cuộc sống thì không chỉ là gắn với những vấn đề trước mắt và cũng có nhiều cách gắn chứ không chỉ là gắn bằng cách đưa VBND vào chương trình và SGK.

Tiện thể cũng nên đối chiếu phần liên quan đến vấn đề VBND ở các bài ÔN TẬP VỀ VĂN HỌC, TRI THỨC ĐỌC - HIỂU **Văn bản nhật dụng** (đều cùng tập 1 *Ngữ văn 12* nâng cao) với bài TỔNG KẾT PHẦN VĂN BẢN NHẬT DỤNG của *Ngữ văn 9*. Có thể thấy TRI THỨC ĐỌC - HIỂU **Văn bản nhật dụng** khi nói đến đặc điểm nội dung VBND chủ yếu nhắc lại các đề tài-chủ đề đã nêu ở bài TỔNG KẾT PHẦN VĂN BẢN NHẬT DỤNG của *Ngữ văn 9*. Chỉ có thêm một nội dung mới đó là *vấn đề đổi mới tư duy*. Nguyên do có lẽ là vì *Ngữ văn 12* nâng cao có bài đọc hiểu văn bản *Tư duy hệ thống - nguồn sức sống mới của đổi mới tư duy* (Trích *Một góc nhìn của trí thức* - Phan Đình Diệu). Vậy các văn bản được coi là VBND khác như *Nhìn về vốn văn hóa dân tộc* (Trích *Đến hiện đại từ truyền thống* - Trần Đình Hượu), *Con đường trở thành “kẻ sĩ hiện đại”* (Trích *Bàn về đạo Nho* - Nguyễn Khắc Viện) cũng học trong cùng tập sách này thì nói tới vấn đề “gần gũi và bức xúc của đời sống hiện tại” nào? Và thực ra, *ý nghĩa cấp thiết đối với đời sống cùng tính cấp nhật* của *Nhìn về vốn văn hóa dân tộc* (Trích

<sup>4</sup> Nói chung, xã hội công dân tự do dân chủ thực sự sẽ cống hiến cho văn hóa những “văn bản nhật dụng” thực sự. Và cũng chỉ khi như thế ta sẽ có ngày càng nhiều những “văn bản nhật dụng” có sức cấp nhật và lay động mãnh mẽ, những văn bản “viết về” được (trong trường hợp nhất định đó còn là vấn đề “viết được về...”) những vấn đề cấp thiết-thời sự mà đồng thời lại vẫn “nói lên” được những “vấn đề xã hội có ý nghĩa lâu dài”. Hoặc cũng có thể nói đó là những văn bản nơi mà đề tài nhất thời mãi nổi bật lên nhờ chủ đề lâu dài! “Văn bản nhật dụng” theo cách hiểu của SGK - hơn bao giờ hết có lẽ chính là sản phẩm của một môi trường văn hóa đọc hiểu nghe nhìn, viết lách truyền thông tự do.

*Đến hiện đại từ truyền thống* - Trần Đình Hượu), *Con đường trở thành “kẻ sĩ hiện đại”* (Trích *Bàn về đạo Nho* - Nguyễn Khắc Viện) là ở chỗ nào?<sup>5</sup>

Thực ra, nếu không biết NBS đang giới thiệu VNND thì ở đây ta tưởng NBS đang nói về kiểu văn bản nghị luận (tác phẩm thông tấn-báo chí, lời kêu gọi, lời phát biểu, bản tham luận, bài bút chiến,...). Chả phải là khi nói về (khái niệm) *kiểu văn bản nghị luận* ta cũng đề cập tới vấn đề “*chức năng, đề tài và tính cập nhật*” giống như vậy? Vậy việc gì phải đề xuất khái niệm *văn bản nhật dụng* nói lại điều đã được nói ở một khái niệm đã có?

Nhưng khổ nỗi theo diễn giải tiếp theo về hình thức VBND thì nội dung cập nhật đề cập *những vấn đề gần gũi và bức xúc của đời sống hiện tại* đó được thể hiện bằng không chỉ mỗi hình thức văn bản nghị luận mà còn gần như với *hầu hết các thể loại văn học cũng như các kiểu văn bản*. Thành ra người dạy-người học sẽ lầy lăm bối rối khi thấy chả có nguyên tắc gì khi “xác định” một VBND chỉ nhờ vào cái tiêu chí *tính chất của nội dung văn bản*. Nói chung, diễn giải của NBS ở phần TRI THỨC ĐỌC - HIỂU Văn bản nhật dụng khiến người ta dễ đi đến suy luận rằng văn bản nào cũng có thể là VBND miễn suy chứng được nó có nội dung cập nhật, đề cập những vấn đề bức thiết với đời sống cộng đồng.

## 5. Diễn giải hình thức “văn bản nhật dụng” của sách giáo khoa

TRI THỨC ĐỌC - HIỂU **Văn bản nhật dụng** - *Ngữ văn 12* diễn giải về hình thức VBND như sau:

... Xét về mặt hình thức, *văn bản nhật dụng* có thể được thể hiện bằng hầu hết các thể loại văn học cũng như các kiểu văn bản. Tuy nhiên, do tính thời sự cao nên các tác phẩm thông tấn – báo chí thường phù hợp hơn.

<sup>5</sup> Quay lại với *Ngữ văn 9* cũng có thể đặt câu hỏi tương tự với chẳng hạn các văn bản *Câu Long Biên - chứng nhân lịch sử*, *Động Phong Nha*, *Ca Huế trên sông Hương*.

Trên đây chúng tôi từng nói theo như quan điểm “Khái niệm văn bản nhật dụng không phải là khái niệm thể loại, cũng không chỉ kiểu văn bản. Nó chỉ đề cập tới chức năng, đề tài và tính cập nhật của nội dung văn bản mà thôi” (Ngữ văn 9) thì ta dường như có thể nói văn bản nào cũng có thể là VBND miễn suy diễn được văn bản có nội dung nói về những vấn đề bức thiết-cập nhật. Lời đó không dễ nghe nhưng khó bác vì ta thấy khi xét về hình thức VBND, NBS nói rõ “Xét về mặt hình thức, văn bản nhật dụng có thể được thể hiện bằng hầu hết các thể loại văn học cũng như các kiểu văn bản.”. Nói cách khác một tác phẩm văn chương, thư, bút kí, hồi kí, thông báo, công bố, xã luận, bản thông tin, lời tuyên bố, sử dụng các phương thức biểu đạt từ tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh, nghị luận miễn có nội dung cập nhật đề cập vấn đề bức thiết đều có thể xem là VBND. Nếu thế thì xem ra VBND cũng chẳng có giới hạn gì về tiêu chí hay đặc điểm hình thức cả. Người đọc-người học TRI THỨC ĐỌC - HIỂU **Văn bản nhật dụng** chắc sẽ thấy rất vất vả nếu muốn dụng tâm lí giải cách dùng từ “thể hiện” trong cách nói “Xét về mặt hình thức, văn bản nhật dụng có thể được thể hiện bằng hầu hết các thể loại văn học cũng như các kiểu văn bản.”. Họ cũng ít nhiều cảm thấy một vẻ mâu thuẫn hình thành nên giữa hai câu “Văn bản nhật dụng không phải là một khái niệm chỉ thể loại văn học hoặc kiểu văn bản.” (câu đầu đoạn) và “Xét về mặt hình thức, văn bản nhật dụng có thể được thể hiện bằng hầu hết các thể loại văn học cũng như các kiểu văn bản.” (câu kết đoạn).

Liên quan câu chuyện hình thức VBND còn có vấn đề - tạm gọi là việc sử dụng cách gọi các văn bản đọc hiểu bằng tên gọi theo “hình thức cụ thể của văn bản”. Rốt cuộc thì các đơn vị ngôn bản được xác định là VBND để dẫn vào làm tài liệu đọc hiểu cho SGK *Ngữ văn 12* cũng được gọi tên theo “hình thức cụ thể của văn bản”. Ta có thể tìm thấy các tên gọi đó trong các phần TIÊU DẪN, CHÚ THÍCH, KẾT QUẢ CẦN ĐẠT, HƯỚNG DẪN HỌC BÀI. Nói chung, tại các bài học đọc hiểu cụ thể của SGK *Ngữ văn 12* các ngôn bản được NBS điểm mặt chỉ tên là VBND được gọi phân biệt bằng các

tên gọi sau - *bài văn* (trích từ bài *bài viết* hoặc trích từ *tiểu luận*), *bản thông điệp* hay *lời kêu gọi*. Có thể thấy nét mới trong chương trình Ngữ văn thể hiện ra ở chỗ SGK đã phổ cập cách dùng từ “*văn bản*” để gọi đồng loạt tất cả các ngôn bản được dẫn vào làm nguồn văn liệu đọc hiểu. Trong những trường hợp nhất định không khó thấy SGK đã quá cố ý lệ thuộc vào cách gọi “*văn bản*”, bất kể đó là cái “*văn bản*” được tạo ra bởi-việc-dẫn-vào SGK hay đúng vốn là cái “*nguyên văn bản*” tác phẩm. Hậu quả là nhiều chỗ gây rối lẫn giữa “*văn bản*”, “*trích đoạn/đoạn trích*”, “*tác phẩm (văn học)*”, “*bài/thiên...*”, “*bản...*”, “*bài viết*”, “*bài văn*”, “*bài (tập) làm văn*”. Rõ ràng các tác giả Nguyễn Khắc Viện, Trần Đình Hượu, Kofi Annan, Phan Đình Diệm không viết các **văn bản-bài văn** có tên *Con đường trở thành “kẻ sĩ hiện đại”*, *Nhìn về vốn văn hóa dân tộc*, *Thông điệp nhân Ngày Thế giới phòng chống AIDS*, *Tư duy hệ thống - nguồn sức sống mới của đời mới tư duy*. Tất cả đều chỉ những phiến đoạn trích ra từ những nguyên bản là sách, tập tiểu luận; cũng có trường hợp lại là phiến đoạn trích từ bản rút gọn một tiểu luận do chính tác giả thực hiện. Và các phiến đoạn trích dẫn hiện diện giữa SGK đó còn được lược bỏ và hiệu chỉnh chi tiết. Do vậy gọi đó là *bài*<sup>6</sup> là không phù hợp thực tế (“*bản lai chân diện mục*” của cái *văn bản* được dẫn vào SGK) và cũng không phản ánh đúng vấn đề mà SGK muốn diễn giải - vấn đề *hình thức VBND*.

<sup>6</sup> Cách gọi các bản trích tác phẩm của các tác giả Nguyễn Khắc Viện, Trần Đình Hượu, Phan Đình Diệm là bài hay bài văn thấy rải rác trong các phần TIỂU DẪN, Chú thích, KẾT QUẢ CẦN ĐẠT hay HƯỚNG DẪN HỌC BÀI. Có thể thấy một cách tập trung cách gọi này ở bài mục **3.Văn bản nhật dụng** bài ÔN TẬP VỀ VĂN HỌC (*Ngữ văn 12 nâng cao*, tập một, tr.242): “Anh (chị) hiểu thế nào là văn bản nhật dụng? Hãy phân tích ý nghĩa cấp thiết đối với đời sống của các bài: *Nhìn về vốn văn hóa dân tộc* (Trích *Đến hiện đại từ truyền thống* - Trần Đình Hượu), *Con đường trở thành “kẻ sĩ hiện đại”* (Trích *Bàn về đạo Nho* - Nguyễn Khắc Viện), *Thông điệp nhân Ngày Thế giới phòng chống AIDS, 1-2-2003* (Cô-phi An-nan), *Tư duy hệ thống - nguồn sức sống mới của đời mới tư duy* (Trích *Một góc nhìn của trí thức* - Phan Đình Diệm”.

## 6. Tạm kết

Nói chung, ta thấy định hướng lí luận chủng loại văn bản trong TRI THỨC ĐỌC - HIỂU **Văn bản nhật dụng** không rõ ràng và khó vận dụng, trong lúc thực tế soạn bài học đọc - hiểu các văn bản được xác định là VBND trong *Ngữ văn 12* cũng chưa thực sự chú ý tới định hướng dạy học đọc hiểu VBND thật sự. Thực tế là chỉ mãi đến bài ÔN TẬP VỀ VĂN HỌC ở cuối sách ta mới thấy văn bản được gọi là VBND là những văn bản nào. Như thế cũng có nghĩa là vào lúc học các văn bản đó ta không thấy có chỗ nào trong bài học có dùng cụm từ VBND để gọi cái văn bản mà bài đang hướng dẫn đọc hiểu nó. Nội dung khung KẾT QUẢ CẦN ĐẠT hay các câu hỏi ở phần HƯỚNG DẪN HỌC ở đầu và cuối các bài này đều biểu hiện ý hướng lí giải đặc sắc chủ đề tư tưởng (không hiếm khi bộc lộ rất rõ ý thức giáo dục công dân) và giá trị nghệ thuật (bố cục văn bản, liên kết trong văn bản, tác dụng lập luận, luận điểm - dụng ý kết nối với phân môn làm văn). Nói chung, trên thực tế SGK vẫn thường cứ soạn hướng dẫn đọc hiểu các văn bản được gọi là VBND đó như những văn bản với “*hình thức thể loại cụ thể*” của nó mà thôi. Trên đại thể có thể nói chuỗi bài đó được trình bày vào SGK không khác gì “*đọc hiểu văn bản*” văn học nói chung. Chúng ta không rõ đó là do không có sự “*phối hợp*” tốt giữa NBS bài TRI THỨC ĐỌC - HIỂU **Văn bản nhật dụng** này và tác giả biên soạn các bài đọc hiểu cụ thể đó, hay là do có sự tồn tại thực sự một “*khoảng cách*” giữa tổng kết lí luận VBND và thực tiễn các văn bản lấy làm dẫn liệu minh họa? Nhưng suy cho cùng, câu chuyện ở đây gắn liền với một vấn đề cốt lõi - đó là có cần đặt vấn đề VBND hay không (rất ráo khái niệm hóa như là một vấn đề lí luận văn học, hiện tượng văn học sử hay đơn thuần chỉ tổng kết về nó như là nhóm ngữ liệu đọc hiểu - sản phẩm đặc sắc của đời sống sinh hoạt văn hóa hiện đại)? Câu trả lời có lẽ là Chương trình Ngữ văn cổ đặt vấn đề VBND là thừa. Việc đọc hiểu các văn bản chính luận, bài báo, bài viết, bút chiến, đối thoại bàn tròn - những văn bản có thể cũng được xem là tác phẩm văn học

nhưng không phải là sáng tác nghệ thuật ngôn từ nói chung trong Chương trình đã đủ để học sinh ý thức được về vấn đề gắn kết thời sự giữa hoạt động viết lách (nghề cầm bút) với cuộc sống xã hội đương đại, ý thức được tính cách cập nhật, sự năng động của truyền thông văn bản nói-viết.

#### **Tài liệu tham khảo**

- [1] Ngữ Văn 12 Nâng cao - Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2012.
- [2] Ngữ Văn 9 - Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2014.

## The Introduction of “Practical Texts” and the Reading Comprehension Knowledge of Practical Texts in Vietnamese Language and Literature 12

Lê Thời Tân, Nguyễn Đức Can

*VNU University of Education,  
144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hanoi, Vietnam*

**Abstract:** Teaching practical texts is a new issue in Vietnamese Language and Literature program at lower and upper secondary schools. This article is a discussion with the textbook writers about the ways “practical texts” are introduced and about their analysis of these so-called “practical texts”.

*Keywords:* Practical texts, language and literature textbook, high school program.